

Theo kết quả tổng điều tra nông thôn và nông nghiệp do Tổng cục thống kê tiến hành vào thời điểm 1.7.1994 có số liệu về nông thôn Tây Nguyên theo bảng dưới:

STT	Chỉ tiêu	Toàn vùng Tây Nguyên	Gia Lai	Kontum	Đắk Lắk	Lâm Đồng
1	Tổng số hộ	503.595	121.410	43.549	218.829	96.370
2	Số hộ nông thôn	431.711	98.455	40.371	169.515	96.370
	Tỷ lệ % số hộ nông thôn trên tổng số	86%	81%	93%	90%	80%
3	Đất nông nghiệp bình quân 1 hộ ở nông thôn (ha/hộ)	9,7	11,7	7,8	9,7	8,2

Trên 80% số hộ vùng Tây Nguyên là hộ nông thôn, diện tích đất nông nghiệp bình quân một hộ là 9,7 ha, cao hơn so với mức bình quân chung toàn quốc (5,1 ha/1hộ) cho thấy hộ nông thôn ở Tây Nguyên chiếm tỉ trọng lớn trong cộng đồng dân cư và có quỹ đất nông nghiệp cao. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, nếu có vốn đầu tư hợp lý sẽ làm bật dậy tiềm năng kinh tế to lớn còn ẩn sâu trong lòng đất; tài nguyên sẽ được khai thác có hiệu quả, đưa đồng bào miền núi đến cuộc sống tốt đẹp hơn.

I. THỰC TRẠNG CHO VAY HỘ NÔNG DÂN Ở TÂY NGUYÊN

Hiện nay ở nông thôn Tây Nguyên, nhiều nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau đều hướng đến kinh tế hộ, nhất là hộ nông dân. Nguồn vốn tập trung và có khối lượng lớn nhất là nguồn vốn cho vay từ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ngân hàng phục vụ người nghèo, tiếp đến là quỹ giải quyết việc làm 120, chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc 327, quỹ hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, nguồn viện trợ nước ngoài, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ tín dụng nhân dân, quỹ ngân sách địa phương, các tổ chức đoàn thể - xã hội, chương trình khuyến nông... Tùy theo chương trình đầu tư, nhiều hộ nông dân đã được vay vốn với mục đích vay và mức lãi suất khác nhau để phát triển sản xuất, làm kinh tế phụ gia đình, từng bước cải thiện đời sống.

Tuy nhiên với tính chất phân tán, manh mún của các loại nguồn vốn của các chương trình trên dẫn đến việc khó khăn trong quản lý và hiệu quả sử dụng thấp, có nhiều biểu hiện tiêu cực, lãng phí vốn, ngay cả mức lãi suất cho vay

khác nhau cũng gây thắc mắc cho dân chúng. Thực tế cho thấy, nhiều hộ nông dân đã vay vốn trùng lặp tại nhiều tổ chức đầu tư, vay nơi này trả nơi khác, cho vay không đúng đối tượng, sử dụng vốn không đúng mục

đích, nhiều nơi xem như vốn cấp phát, cho không nên chưa có ý thức sử dụng vốn có hiệu quả, bảo đảm khả năng tái tạo nguồn vốn cho vay.

Tính riêng hệ thống Ngân hàng nông nghiệp và phát triển VN, đến cuối năm 1997 cả nước có 3,3 triệu hộ còn dư nợ vay số vốn 13.000 tỉ đồng, chiếm 62% tổng số dư nợ, chiếm 27,5% số hộ toàn quốc. Vùng Tây Nguyên có dư nợ cho vay hộ nông dân 1.048 tỉ, mức dư nợ bình quân cao nhất toàn quốc 9,12 triệu/hộ (bình quân cả nước 3,56 triệu/hộ). Mức vốn huy động tại địa phương chỉ đạt 863 tỉ nhưng tổng dư nợ cho vay toàn vùng là 1.684 tỉ, nhu cầu

CHỜ VAY HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN MIỀN NÚI TÂY NGUYÊN

ĐẶNG VĂN QUANG

vay vốn gấp gần hai lần nhu cầu gọi vốn. Số liệu trên cho thấy, kinh tế Tây Nguyên đang "khát vốn", thường xuyên phải nhận vốn điều chuyển từ các tỉnh khác về (vay vốn trung ương) vốn tự lực tại chỗ còn hạn chế.

Trong các năm qua, vốn đầu tư Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn trên vùng Tây Nguyên đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo điều kiện cho nông dân giảm nghèo, làm giàu trên vùng đất nhiều tiềm năng, được chính quyền và nhân dân ủng hộ. Nông nghiệp - nông thôn - nông dân là thị trường rất rộng lớn của Ngân hàng

nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện tại và tương lai. Mặt khác, đầu tư cho hộ nông dân cũng là một cách thức phân tán rủi ro, "không tập trung vào một chỗ" không dồn vốn cho một khách hàng vay, khả năng mất vốn hạn chế hơn.

So với những mặt làm được và các lợi thế thì trong hiện tại và tương lai, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn các tỉnh vùng Tây Nguyên còn gặp nhiều khó khăn và thách thức trong tiến trình đầu tư và phát triển kinh tế hộ ở địa phương. Có thể liệt kê một số khó khăn và thách thức chủ yếu như sau:

* Kinh doanh nông nghiệp và ngành nghề ở nông thôn còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thiên nhiên, chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước nên vốn tín dụng đầu tư vào phát triển sản xuất gặp tỉ lệ rủi ro cao, nợ quá hạn là không thể tránh khỏi, có điều là khả năng thu hồi cao hay thấp, nợ quá hạn nhiều hay ít. Chính sách thu mua, trị giá hàng nông sản chưa rõ nét, chưa giúp hộ nông dân bớt lo sau khi thu hoạch, chờ tiêu thụ sản phẩm.

* Trình độ dân trí thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, phương thức sản xuất và phong tục tập quán còn lạc hậu ảnh hưởng đến việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách kiến thức sản xuất và hiệu quả sử dụng đồng vốn ngân hàng. Chỉ tính riêng tỉ lệ đói nghèo của vùng Tây Nguyên là 28% (thành thị 11,5%, nông thôn là 33%), gấp 3,8 lần so với tỉ lệ đói nghèo bình quân của các thành thị trong cả nước.

* Địa bàn hoạt động của các chi nhánh rộng, tiến đến vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng nhưng lực lượng lao động hạn chế, thường xuyên quá tải, khó quản lý và kiểm soát chặt chẽ (bình quân 1 cán bộ tín dụng phải quản lý 500 - 600 hồ sơ khách hàng vay). Nếu giữ nguyên biên chế hiện có thì không đảm đương được nhiệm vụ, nhưng nếu tuyển thêm lao động thì không đủ thu nhập để trả lương. Đây là bài toán đã đặt ra từ nhiều năm nhưng chưa có giải pháp hợp lý và khả thi để giải đáp.

* Vì quá tải nên các chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn phải dựa vào cấp uỷ, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể - xã hội để trợ giúp, làm một số

khâu trong quá trình cho vay nhưng cũng chưa thực hiện đồng bộ giữa các địa phương. Có nơi cấp uỷ và chính quyền địa phương xem cho vay phát triển kinh tế hộ là của riêng ngành ngân hàng, thiếu sự phối hợp chặt chẽ với ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn để làm tốt việc đầu tư cho hộ nông dân.

* Trong khi tiến độ cấp quyền sử dụng đất cho hộ nông thôn còn rất chậm không đủ điều kiện làm nhanh trong khi chưa có giải pháp thay thế tạm thời cho hộ nông dân sẽ làm chậm tiến độ cho vay của ngân hàng. Cách giải quyết vấn đề này, mỗi địa phương làm khác nhau. Mặt khác, giải pháp tín chấp thay cho thế chấp cũng có tác dụng tốt nhưng cơ chế pháp lý chưa đồng bộ, chưa được sự hướng dẫn kịp thời của chính phủ hoặc sự chỉ đạo của chính quyền địa phương đối với cấp cơ sở (Điều 376 Bộ luật dân sự quy định bảo lãnh bằng tín chấp của các tổ chức chính trị - xã hội đến nay chưa có nghị định hướng dẫn thực hiện).

* Bộ hồ sơ cho vay còn phức tạp, rườm rà, thủ tục công chứng chỉ được ở cấp huyện gây khó khăn và tốn kém cho bà con nông dân ở bản làng xa thị trấn.

* Cơ cấu cho vay chưa cân đối: chủ yếu ở ngành nông nghiệp, các ngành khác thấp; dư nợ trung dài hạn chưa tương xứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; chỉ chú trọng cho vay phát triển sản xuất trong khi nhu cầu vay sinh hoạt ở nông thôn cao, đây là mảnh đất màu mỡ để các hình thức cho vay nặng lãi ở nông thôn tồn tại; tỷ lệ cho vay phát triển cơ sở hạ tầng (điện, trường, đường, trạm) còn thấp...

* Cán bộ tín dụng nông thôn chiếm số đông nhưng chưa được huấn luyện tay nghề vững vàng về quan điểm và nghiệp vụ cụ thể, chưa có chính sách đãi ngộ cho cán bộ công tác ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

II. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHO VAY HỘ NÔNG THÔN TÂY NGUYÊN

Từ phân tích thực trạng và khó khăn trong cho vay hộ nông dân vùng Tây Nguyên, trong phạm vi bài viết này xin đề xuất một số giải pháp như sau:

A. NHÓM GIẢI PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ CÁC BAN NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG

1. Cần có quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển cụ thể đối với một số cây công nghiệp chủ lực vùng Tây Nguyên, đặc biệt là cây cà phê đã khẳng định thế mạnh trên địa bàn nhưng hiện nay người sản xuất vẫn lo và chờ đợi sự may rủi về giá cà phê khi tiêu thụ.

2. Hiện nay đang có nhiều kênh tiếp vốn cho hộ nông dân nhưng chỉ có một số tổ chức có điều kiện về mạng

lưới, cán bộ, kỹ thuật nghiệp vụ để làm tốt công tác giải ngân và thu hồi nợ. Để tránh các hiện tượng chồng chéo, manh mún, nâng cao hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, nên tập trung vốn cho một số tổ chức có điều kiện (như ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn) làm dịch vụ uỷ thác cho vay hộ nông dân.

3. Điều kiện thế chấp, tín chấp đối với hộ nông dân vay vốn cần bổ sung hướng dẫn và có giải pháp đồng bộ hơn, vừa đảm bảo tính pháp lý an toàn vốn tín dụng, vừa đảm bảo dễ dàng thuận lợi cho bà con nông dân được vay vốn kịp thời vụ. Trước hết nên tập trung vào những vấn đề như:

. Các cấp chính quyền địa phương cần khẩn trương quy hoạch do đặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để hộ nông dân có đủ điều kiện thế chấp vay vốn. Quá trình này tiến hành lâu dài không thể hoàn tất trong một hoặc hai năm, trong thời gian chưa hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức, chính quyền địa phương nên xem xét cấp tạm thời ở những vùng đã quy hoạch và không có tranh chấp. Những hộ nông dân có giấy tạm cấp được thế chấp vay vốn, cam kết khi được cấp giấy chính thức sẽ bổ sung và chịu sự quản lý chặt chẽ của chính quyền và các đoàn thể cấp xã phường.

. Việc công chứng thế chấp tài sản đối với hộ nông dân nên phân cấp cho xã, phường, theo diện tích đất và mức vay vốn, có thể áp dụng với diện tích dưới 2 ha và mức vay dưới 20 triệu đồng.

. Mở rộng diện cho vay tín chấp; hiện nay những hộ nông dân vay dưới 5 triệu đồng được miễn thế chấp. Có thể mở rộng hơn tùy từng vùng, từng địa phương, có thể áp dụng cho dưới mức 10 triệu đồng đối với những hộ nông dân chuyên canh cây cà phê, cây cao su, cây mía, cây điều ở Tây Nguyên.

4. Hiện nay lãi suất cho vay ưu đãi miền núi chỉ áp dụng cho hộ dân cư thuộc khu vực 3, trong khi mức độ chênh lệch giữa các khu vực 1, 2, 3 ở địa bàn miền núi không đáng kể, nếu không nói là như nhau. Đối tượng khách hàng này đang vay vốn tại các chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn. Nên có cơ chế điều tiết thu nhập từ các ngân hàng thương mại hoạt động ở môi trường thuận lợi, tỷ suất lợi nhuận cao, chi phí thấp để tạo quỹ tài trợ, ưu đãi về lãi suất cho hộ nông dân miền núi còn nhiều khó khăn.

5. Cần có các chính sách phụ trợ khác như trợ giá, bảo hiểm, khuyến nông, bù đắp rủi ro... tạo động lực kích thích và bảo vệ hộ nông dân, giảm thiểu khó khăn khi gặp các điều kiện bất lợi trong sản xuất, thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm.

B. NHÓM GIẢI PHÁP LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN CÁC TỔ

CHỨC TÍN DỤNG

1. Tranh thủ sự phối hợp, giúp đỡ của địa phương, nhất là cấp cơ sở để họ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiệp vụ, làm vệ tinh giám sát, quản lý hàng ngàn khách hàng vay vốn, không một tổ chức nào có đủ lực lượng cán bộ nhân viên để quản lý chặt chẽ được.

Thường xuyên trao đổi và cung cấp thông tin khách hàng vay với địa phương cơ sở, tránh hiện tượng trùng lặp, sai sót trong xác nhận, chứng nhận của chính quyền cơ sở đối với hộ có liên quan đến vay vốn các tổ chức tín dụng.

2. Đầu tư theo chương trình, theo vùng đã quy hoạch và phải gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn thì hiệu quả mới cao và thúc đẩy kinh tế miền núi phát triển, không đầu tư phân tán, manh mún. Chú trọng phát triển các loại cây con hàng hóa đã khẳng định thế mạnh tại địa bàn và khép kín chu trình đầu tư từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu. Cho vay góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng tỷ trọng cho vay các ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, công nghiệp chế biến ở nông thôn, tăng tỷ trọng cho vay trung dài hạn để đầu tư chiều sâu, thâm canh tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật, nâng cấp cơ sở hạ tầng ở nông thôn, tăng tỷ trọng cho vay phục vụ tiêu dùng sinh hoạt ở nông thôn để hạn chế nạn cho vay nặng lãi; chú ý phát triển các mô hình kinh tế trang trại, đồn điền ở Tây Nguyên; cho hộ nông dân vay vốn kinh doanh nhỏ trong thời kỳ nông nhàn...

3. Chuyển đổi phương thức cho vay, chuyển dần từ trực tiếp đến hộ sang gián tiếp qua các tổ chức trung gian, phát triển cho vay lưu vụ để giảm bớt khối lượng công việc đang quá tải đối với nhân viên cơ sở (hệ thống ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn). Một giải pháp vừa có lợi cho cả người đi vay và người cho vay là đơn giản hóa thủ tục hồ sơ phù hợp với điều kiện miền núi giúp tiến độ giải ngân nhanh hơn tránh phiền hà rắc rối trong quá trình cho vay.

4. Đào tạo cán bộ tín dụng tinh thông nghề nghiệp, am hiểu kỹ thuật chuyên ngành để đầu tư đúng, tư vấn cho hộ nông dân về kiến thức sản xuất, các dịch vụ, thông tin giá cả thị trường. Có chính sách ưu đãi, kích thích cán bộ đi cơ sở, quản lý địa bàn vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

5. Kien toàn mạng lưới các chi nhánh giao dịch tiến đến gần dân, gần thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nông dân trong quan hệ với ngân hàng; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thông tin, phổ biến kiến thức ngân hàng đến người dân ■